

Số: 130/2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2018

THÔNG TƯ
Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật dự trữ quốc gia ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 128/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia và phân công cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia áp dụng trong phạm vi cả nước về nguồn hình thành, quản lý, sử dụng nguồn lực dự trữ quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Bộ, ngành được Chính phủ giao nhiệm vụ quản lý hàng dự trữ quốc gia;

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động dự trữ quốc gia.

Điều 3. Nội dung quy định chế độ báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia

1. Đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo

a) Đơn vị báo cáo là các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia và các cơ quan, tổ chức liên quan đến hoạt động dự trữ quốc gia. Đơn vị báo cáo được ghi



cụ thể tại góc phía trên bên phải của từng biểu mẫu báo cáo. Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm báo cáo ghi tên cơ quan, đơn vị vào vị trí này.

b) Đơn vị nhận báo cáo là Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) được ghi cụ thể phía trên bên phải của từng biểu mẫu báo cáo, dưới dòng đơn vị báo cáo.

2. Biểu mẫu báo cáo

a) Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư này;

b) Biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư này.

c) Ký hiệu biểu mẫu báo cáo thống kê gồm hai phần: Phần số và phần chữ; phần số gồm 03 số được đánh liên tục bắt đầu từ 001, 002,...; phần chữ được ghi chữ in viết tắt, cụ thể: Nhóm chữ đầu phản ánh kỳ báo cáo (năm - N; quý - Q; hỗn hợp - H) và lấy chữ BCDTQG thể hiện biểu báo cáo thống kê của ngành dự trữ quốc gia; phần chữ tiếp theo là chữ in hoa viết tắt của đơn vị gửi báo cáo (tên viết tắt của đơn vị báo cáo được quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này).

3. Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định quy định đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo được ghi cụ thể dưới tên biểu của từng biểu mẫu thống kê. Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch, bao gồm:

a) Báo cáo thống kê quý: Báo cáo thống kê quý được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu tiên của kỳ báo cáo thống kê cho đến hết ngày cuối cùng của tháng thứ ba của kỳ báo cáo thống kê đó.

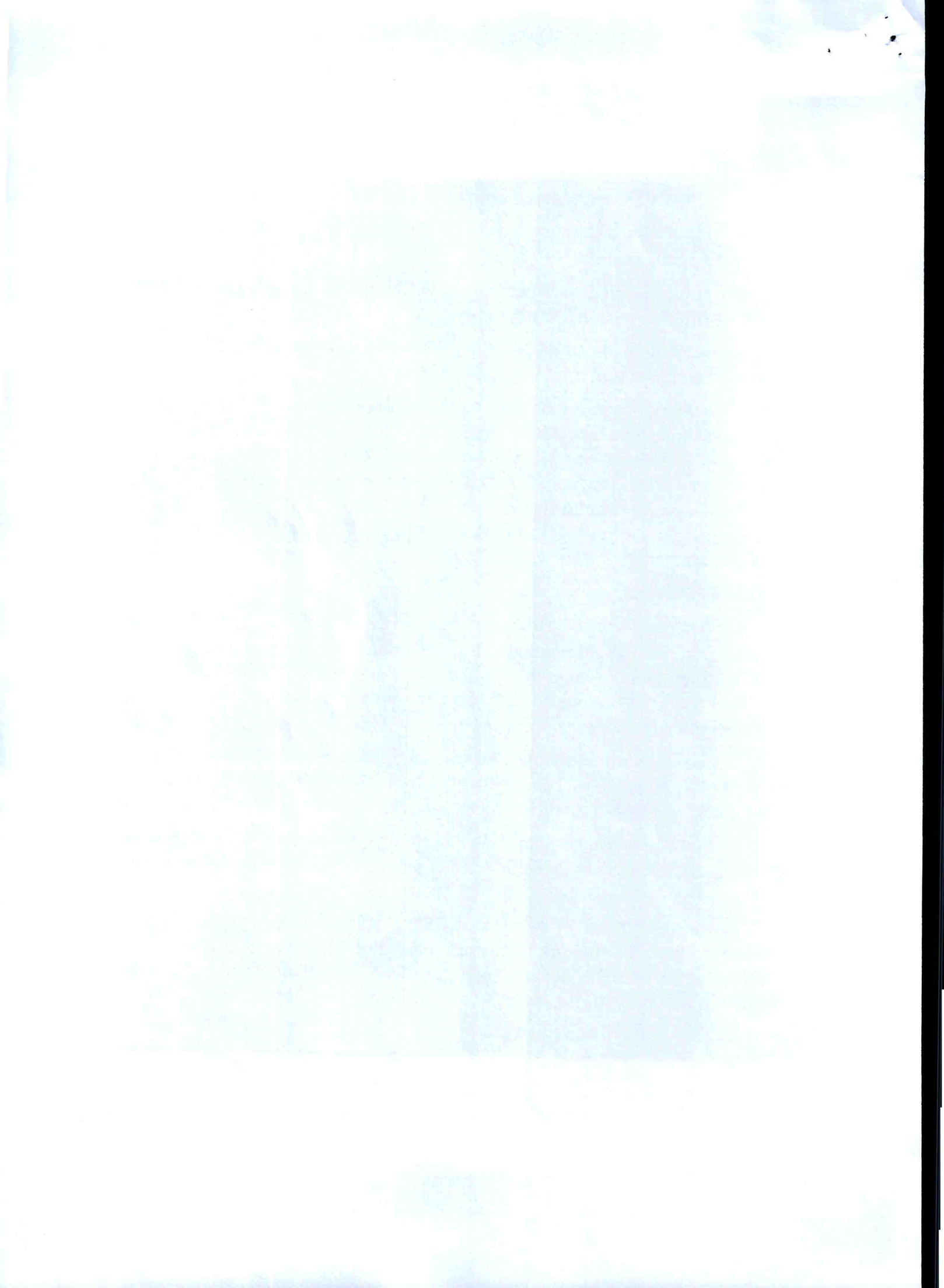
b) Báo cáo thống kê năm: Báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 của kỳ báo cáo cho đến hết ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo thống kê đó.

c) Báo cáo thống kê khác và đột xuất: Trường hợp cần báo cáo thống kê khác hoặc báo cáo thống kê đột xuất nhằm thực hiện các yêu cầu quản lý nhà nước, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu báo cáo phải đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ thời gian, thời hạn và các tiêu chí báo cáo thống kê cụ thể.

4. Thời hạn gửi báo cáo

Thời hạn gửi báo cáo được ghi cụ thể tại góc phía trên bên trái của từng biểu mẫu thống kê. Nếu ngày quy định cuối cùng của thời hạn gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần đó.

5. Phương thức gửi báo cáo



Các báo cáo thống kê được thực hiện dưới 2 hình thức: Bằng văn bản giấy và qua hệ thống báo cáo điện tử. Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu. Báo cáo bằng văn bản điện tử thể hiện hai hình thức là định dạng pdf của văn bản giấy hoặc dưới dạng tệp tin điện tử được xác thực bằng chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo.

Điều 4. Trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo và đơn vị báo cáo

1. Trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo

Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) chủ trì tổng hợp số liệu báo cáo thống kê trong hệ thống báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia và có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận, tổng hợp báo cáo, sử dụng và cung cấp thông tin các số liệu báo cáo thống kê được quy định trong báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia theo quy định;
- b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung và chuẩn hóa phương thức xác định số liệu báo cáo trong báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia.
- c) Hướng dẫn tính toán các chỉ tiêu thống kê, quy định rõ quy chế phối hợp, kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê;
- d) Xử lý vướng mắc liên quan đến việc gửi, nhận báo cáo thống kê đảm bảo việc khai thác, sử dụng số liệu thống kê ngành dự trữ quốc gia.

2. Trách nhiệm của đơn vị báo cáo:

- a) Các đơn vị báo cáo chấp hành đúng các quy định về báo cáo thống kê quy định tại Thông tư này, gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo; khi phát hiện nội dung báo cáo có sai sót, phải kịp thời gửi lại số liệu đúng; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của số liệu báo cáo thống kê theo quy định tại Thông tư này.
- b) Phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) tổ chức các đợt tập huấn về báo cáo thống kê, hướng dẫn và trả lời kịp thời cho các đơn vị về các vướng mắc liên quan đến trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Thông tư này.

Điều 5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong báo cáo thống kê

1. Bộ Tài chính (Tổng cục Dự trữ Nhà nước) chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác báo cáo thống kê ngành dự trữ quốc gia; việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê và khai thác, sử dụng số liệu báo cáo thống kê được thực hiện trên Hệ thống thông tin thống kê ngành dự trữ quốc gia.

2. Các đơn vị, cá nhân được phép sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin thống kê chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng thông tin, số liệu thống kê theo đúng quy định của Luật thống kê, Luật dự trữ quốc gia, các quy định của Bộ Tài chính